

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/DS-ST
Ngày 10-8-2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Bình

2. Bà Nguyễn Thị Thiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 05 năm 2020 về việc: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ N, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà H trình bày: Năm 2019 bà N có mượn tiền của bà hai lần là 15.000.000 đồng, cụ thể: Lần nhất vào ngày 25 tháng 8 năm 2019 mượn 5.000.000 đồng, lần hai vào ngày 27 tháng 8 năm 2019 mượn 10.000.000 đồng. Khi mượn do bà N viết giấy mượn tiền và ký tên. Sau khi mượn hai bên thỏa thuận mỗi ngày bà N trả góp cho bà 400.000 đồng cho đến khi hết nợ, kể từ khi mượn tiền đến nay bà N không góp cho bà đồng nào cả. Bà có yêu cầu bà N trả tiền nhiều lần nhưng bà N không trả.

Nay bà yêu giải quyết buộc bà N có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng vốn và yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn bà N trình bày: Tại bản tự khai ngày 04-6-2020 bà N cho rằng đã trả cho bà H được 4.300.000 đồng, còn nợ lại 10.700.000 đồng, nhưng tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà N thừa nhận có nợ bà H 15.000.000 đồng, bà xin trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà H đối với bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Năm 2019 bà N có mượn tiền của bà H hai lần là 15.000.000 đồng, cụ thể: Lần nhất vào ngày 25 tháng 8 năm 2019 mượn 5.000.000 đồng, lần hai vào ngày 27 tháng 8 năm 2019 mượn 10.000.000 đồng. Khi mượn do bà N viết giấy mượn tiền và ký tên. Sau khi mượn hai bên thỏa thuận mỗi ngày bà N trả góp cho bà 400.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng bà N không thực hiện đúng như thỏa thuận, nên bà H khởi kiện yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả cho H số tiền gốc 15.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với trường hợp bà H yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 27-8-2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án thì thấy khi hai bên giao dịch cho mượn tiền với nhau không thỏa thuận lãi suất (bút lục 24), nên chấp nhận một phần yêu cầu trả lãi của bà H đối với bà N và tiền lãi được tính kể từ ngày thụ lý vụ án là ngày 27-5-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 10-8-2020, là 02 tháng 13 ngày x 0.83%/tháng x 15.000.000 đồng = 305.000 đồng. Do đó buộc bà N có nghĩa vụ trả cho bà H cả tiền gốc và tiền lãi là 15.305.000 đồng là có căn cứ.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí: Huỳnh Thị Mỹ N phải chịu 765.000 đồng tiền án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với bà Huỳnh Thị Mỹ N.

Buộc bà Huỳnh Thị Mỹ N có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị H số tiền 15.305.000 đồng (*mười lăm triệu, ba trăm lẻ năm ngàn đồng*).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà N còn phải trả cho H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Mỹ N phải chịu 765.000 đồng; Hoàn trả cho bà Võ Thị H số tiền 375.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0000387 ngày 27-5-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài

